

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÒN ĐẤT  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 17 - 5 - 2022  
V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi  
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Cẩm Tú.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Hồng Gái.

2. Bà Hà Thị Kim Thu.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thành Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 17 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp về “ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Khánh L, sinh năm 2001; địa chỉ: tổ 5, khu phố TT, thị trấn HĐ, huyện HĐ, tỉnh KG; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Từ Thanh V sinh năm 1999; địa chỉ: khu phố ST, thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh KG; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/01/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Bùi Thị Khánh L trình bày:*

Chị và chồng là anh Từ Thanh V tự tìm hiểu và yêu thương, được hai bên gia đình thống nhất làm lễ cưới vào năm 2020, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn HĐ, huyện HĐ, tỉnh KG. Anh chị chung sống hạnh phúc được

một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, anh V không quan tâm, chăm lo cho vợ con, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Anh, chị đã sống ly thân từ đầu đầu năm 2021 cho đến nay. Quá trình chung sống anh, chị có một đứa con chung tên là Từ Gia Th sinh ngày 11/7/2020, con đang ở chung với chị. Về tài sản, nợ: Không có.

Theo đơn khởi kiện, chị yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh Từ Thanh V. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Tại Biên bản hòa giải ngày 08/4/2022 chị L rút yêu cầu cấp dưỡng ghi trong đơn khởi kiện, không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Từ Thanh V đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập anh V đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh V vẫn vắng mặt, không rõ lí do.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

Chị Bùi Thị Khánh L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Từ Thanh V và giải quyết việc nuôi con nên quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp về “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Anh V với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại thị trấn SS, huyện HD, tỉnh KG nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Chị L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; anh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, không rõ lí do. Xét thấy, sự vắng mặt của anh, chị không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh, chị và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh, chị là phù hợp với quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của BLTTDS.

Chị L rút yêu cầu khởi kiện buộc anh V phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con tròn 18 tuổi nên Hội đồng xét xử (HĐXX) đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của BLTTDS.

[2] Về nội dung:

Chị L, anh V kết hôn vào năm 2020 và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn HĐ, huyện HĐ, tỉnh KG nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Chị L xác định vợ chồng chị có mâu thuẫn do anh V không quan tâm, chăm sóc vợ con và vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 01/2021 cho đến nay. Anh V không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy, anh, chị đã sống ly thân, chấm dứt quan hệ vợ chồng từ đầu năm 2021. Từ đó cho đến nay hai bên không quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị L yêu cầu được ly hôn với anh V là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Tòa án chấp nhận.

Về nuôi con: Anh, chị một hai đứa con chung tên là Từ Gia Th sinh ngày 11/7/2020, cháu Th đang ở chung với chị L. Xét thấy, dưới sự chăm sóc, giáo dục của chị L hiện nay cháu đang sinh sống ổn định và phát triển bình thường. Tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.”*. Đối chiếu với quy định trên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu được tiếp tục nuôi con của chị L là có căn cứ nên được chấp nhận. Giao cháu Th cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành; trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật. Anh V được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L có việc làm và có thu nhập ổn định, đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con; không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không giải quyết.

Về tài sản, nợ: Chị L xác định anh, chị không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp, anh chị có phát sinh tranh chấp về tài sản, nợ thì có quyền khởi kiện trong vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị L phải phải án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 266; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Bùi Thị Khánh L được ly hôn với anh Từ Thanh V.

**2.** Về nuôi con:

Giao cháu Từ Gia Th sinh ngày 11/7/2020 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành; trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật. Anh V được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị L buộc anh V phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu Th tròn 18 tuổi. Chị L có quyền khởi kiện lại yêu cầu này theo quy định của pháp luật.

**3.** Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001635 ngày 14/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Lê Cẩm Tú**